TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 02/2022/DSST
Ngày 12 - 4- 2022
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiến Phúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội: Bà Khuất Thị Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- DS ngày 11/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST - DS ngày 24/3/2022, giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: Bà **Doãn Thị Kim T1**, sinh năm 1978 (có mặt).

Ông **Bùi Văn Th**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện PT, Thành phố Hà Nội .

*/ Bị đơn: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1967 (vắng mặt lần 2).

Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện PT, Thành phố Hà Nội

*/Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Hoàng Thị Tn**, sinh năm 1972 (vắng mặt lần 2).

Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện PT, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN :

*/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Vợ chồng bà Doãn Thị Kim T1 ông Bùi Văn Th có quen biết ông Đặng Văn T là người cùng thôn, hai bên có quan hệ bạn bè, quen biết với nhau từ nhiều năm trước. Vì thế, trong năm 2014, vợ chồng bà T1, ông Th đã nhiều lần cho ông T vay tiền và vàng. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất cho vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); lần thứ hai là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và lần thứ ba là 01 cây vàng loại SJC 9999 với giá trị lúc vay là 57.500.000đ, với mục đích vay để ông T phát triển kinh tế gia đình, nhưng lúc đó hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập văn bản, giấy tờ gì. Đã nhiều lần vợ chồng bà T1 ông Th đòi nợ nhưng ông T khất lần không trả. Đến ngày 24/7/2019, ông Đặng Văn T đã viết: "Giấy nhận nợ" với vợ chồng ông Th, bà T1 với nội dung ông T nhận nợ số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và 01 cây vàng SJC, trong giấy nhận nợ ông T có hứa trong tháng 6/2020 sẽ trả vợ chồng bà T1 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), đến cuối tháng 12 trả một ít còn lại là trả dần.

Nhưng từ khi viết giấy nhận nợ, ông T không trả được số tiền nào cho vợ chồng bà T1. Nay bà T1, ông Th yêu cầu ông T phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền đã vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và 01 cây vàng 9999 loại SJC theo giá trị ở thời điểm hiện tại.

Ngoài ra vợ chồng bà T1, ông Th không yêu cầu tiền lãi.

Ông Đặng Văn T trình bày: Việc quen biết và vay nợ giữa ông và vợ chồng bà T1, ông Th từ năm 2014 là có thật. Tuy nhiên, số tiền ông đã vay 90.000.000đ và số vàng 01 cây loại SJC ông vay của bà T1 và ông Th không phải phát triển kinh tế gia đình mà là cá nhân ông vay để chi tiêu và chơi bời riêng, gia đình vợ con ông không được sử dụng gì. Nay ông T đồng ý trả cho bà T1 và ông Th với số tiền 90.000.000 đồng là 01 cây vàng loại SJC nhưng đề nghị vợ chồng bà T1 cho trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Tn là vợ của ông T có ý kiến: Bà là vợ của ông T nhưng bà không biết và không liên quan gì đến khoản vay của ông T, việc ông T vay nợ của vợ chồng bà T1 như thế nào thì bà không biết và cũng không được sử dụng, nay bà không có ý kiến gì và không chịu trách nhiệm gì về khoản nợ của ông T.

Tại phiên tòa, bà T1 và ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc ông Đặng Văn T phải trả cho ông bà số tiền vay là 90.000.000 đồng và 01 cây vàng loại SJC 9999.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu khởi kiện: Áp dụng các Điều 463; 465; 466 và Điều 470 của Bộ Luật dân sự:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th: Buộc ông Đặng Văn T phải trả cho bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th số tiền 90.000.000đ *(Chín mươi triệu đồng)* và 01 cây vàng loại SJC 9999 theo trị giá tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Doãn Thị Kim T1.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th khởi kiện ông Đặng Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn 6, xã V, huyện PT, Thành phố Hà Nội yêu cầu ông T trả khoản tiền 90.000.000đ và 01 cây vàng loại SJC 9999 mà ông T đã vay. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa hai cá nhân nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Văn T và bà Hoàng Thị Tn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Mặc dù đã được tòa án triệu tập phiên tòa nhiều lần nhưng ông T, bà Tn vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th yêu cầu ông Đặng Văn T trả số tiền vay nợ theo: "Giấy nhận nợ" ngày 24/7/2019 với số tiền 90.000.000đ là 01 cây vàng loại SJC 9999.

Ông Đặng Văn T xác nhận ông có nợ vợ chồng bà T1, ông Th số tiền 90.000.000đ và 01 cây vàng loại SJC 9999, số tiền vàng này ông T vay và ăn tiêu cá nhân hết không phải phục vụ mục đích phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, nay ông đồng ý trả vợ chồng bà T1 số tiền và vàng đã vay nhưng xin được trả dần. Bà Hoàng Thị Tn là vợ ông T ý kiến số tiền ông T vay của vợ chồng bà T1 thì bà không ký giấy vay và cũng không biết, không được sử dụng số tiền đó nên bà không có ý kiến gì và cũng không có trách nhiệm gì về khoản vay của ông T.

Từ những ý kiến của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông T vay nợ của vợ chồng bà T1, ông Th số tiền 90.000.000đ và 01 cây vàng loại SJC 9999 là có thật.

Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện" song tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định: "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

Trong vụ án này, trong giấy vay nợ chỉ có ông T ký nhận vay và không nêu rõ mục đích sử dụng khoản tiền vay. Bà Tn (vợ ông T) không biết về khoản vay này, cả ông T và bà Tn đều xác định ông T vay số tiền và vàng này để chi tiêu riêng và chơi bời chứ không phục vụ vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác, bà T1, ông Th cũng không chứng minh được khoản tiền ông T vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T. Vì vậy, không có cơ sở để buộc bà Hoàng Thị Tn là vợ ông T có trách nhiệm chung về khoản vay này mà chỉ buộc ông T có trách nhiệm đối với khoản vay của bà T1, ông Th.

Về số tiền phải trả giữa bà T1, ông Th và ông T đã thống nhất số tiền đã vay là 90.000.000đ và 01 cây vàng loại SJC 9999, tại thời điểm ngày 12/4/2022, giá trị 01 cây vàng SJC 9999 là 69.470.000đ. Vậy cần buộc ông Đặng Văn T phải trả cho vợ chồng bà T1, ông Th số tiền tổng cộng là 159.470.000đ.

Bà T1 và ông Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Doãn Thị Kim T1.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463; 465; 466 và Điều 470 của Bộ Luật dân sự:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th.

Buộc ông Đặng Văn T phải trả cho bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th số tiền 90.000.000đ *(Chín mươi triệu đồng)* và 01 cây vàng loại SJC 9999 trị giá: 69.470.000đ (sáu mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 159.470.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đặng Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức 20%/ năm, nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được xác định là 20%/ năm.

2. Về án phí: Ông Đặng Văn T phải chịu 7.973.000đ (Bảy triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Doãn Thị Kim T1 số tiền 3.680.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0040087 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Bà Doãn Thị Kim T1 và ông Bùi Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bà Hoàng Thị Tn có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan